TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ LÁCH** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2021/HN-ST
Ngày: 19-3-2021
V/v: *"Ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Minh Tư;

2. Bà Bùi Thị Thúy Bắc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm My - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre *tham gia phiên tòa:* Bà Huỳnh Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 349/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020, về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Chị Dương Thị S, sinh năm 1982; Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: ấp L H, xã L T, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1977; Vắng mặt

Nơi cư trú: ấp L H, xã L T, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/10/2020, bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nguyên đơn chị Dương Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2001, chị và anh Lê Văn Đ tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L T, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre vào ngày 19/10/2001. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, dẫn đến vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, mạnh ai nấy sống. Hiện chị và anh Đ đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Đ không còn, không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ, chị không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Khánh N, sinh ngày 21/02/2001 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị S đối với anh Lê Văn Đ. Ghi nhận chị S không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

+ Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Khánh N, sinh ngày 21/02/2001 đã trưởng thành nên không xét đến.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án "Ly hôn" được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Dương Thị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị Sữa.

Bị đơn anh Lê Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải nhưng

anh Đ không có mặt, vụ án không tiến hành mở phiên hòa giải được và tại phiên tòa anh Đ vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ là phù hợp.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị S và anh Đ tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L T, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Theo chị S, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, dẫn đến cả hai không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Đ, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị S và anh Đ thực tế là có xảy ra và giữa hai người đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Với khoảng thời gian trên cũng đủ cho anh, chị suy nghĩ lại tình cảm vợ chồng thế nhưng cả hai cũng không tìm cho mình một biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã triệu tập anh Đ để tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Đ không đến. Tại phiên tòa, anh Đ vẫn tiếp tục vắng mặt. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh Đ là đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt nhất nhằm đem lại tự do cho cả hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S đối với anh Đ là phù hợp theo quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Khánh N, sinh ngày 21/02/2001 đã trưởng thành nên không xét đến.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị S khai không có nên không xét đến.

[6] Về phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị S phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 207, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1/. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị S đối với anh Lê Văn Đ. Cụ thể tuyên:

Chị Dương Thị S được ly hôn với anh Lê Văn Đ. Ghi nhận chị S không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2/. Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Khánh N, sinh ngày 21/02/2001 đã trưởng thành nên không xét đến.

3/. Về tài sản chung, nợ chung: Chị S khai không có nên không xét đến.

4/. Về án phí: Chị Dương Thị S phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004440 ngày 09/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Chị S đã nộp đủ án phí.

5/. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Chợ Lách;*
- *Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;*
- *Cơ quan đăng ký kết hôn;*
- *Lưu HSVA+VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Chí Đức

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Chợ Lách;*
- *Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;*
- *Cơ quan đăng ký kết hôn;*
- *Lưu HSVA+VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chí Đức